

Chương II : HÀM SỐ BẬC NHẤT

Ngày dạy :

Tiết 19: NHẮC LẠI VÀ BỔ SUNG CÁC KHÁI NIỆM VỀ HÀM SỐ

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Phát biểu được các khái niệm liên quan đến hàm số. Cho được ví dụ về hàm số
- Vẽ được đồ thị của hàm số.
- Nhận biết được tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số.

2. Kỹ năng

- Vẽ được chính xác đồ thị của hàm số.
- Biết các cách cho một hàm số.
- Tính được giá trị của hàm số tại điểm bất kì.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.
- Yêu thích môn học.

* **Trọng tâm :** các khái niệm về hàm số, hàm đồng biến , nghịch biến trên R

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phần màu, bảng nhóm.
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

IV. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định : (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ : (Kết hợp trong bài).

3. Bài mới :

A. Hoạt động Khởi động – 1 phút

GV : Lớp 7, các em đã biết về khái niệm hàm số, biết biểu diễn một điểm trên mặt phẳng tọa độ, biết vẽ đồ thị của hàm số $y = ax$. Ở lớp 9, ngoài việc ôn tập lại các kiến thức trên, ta còn bổ sung thêm các khái niệm về hàm số đồng biến, nghịch biến; các khái niệm về đường thẳng song song và xét kĩ về dạng hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$).

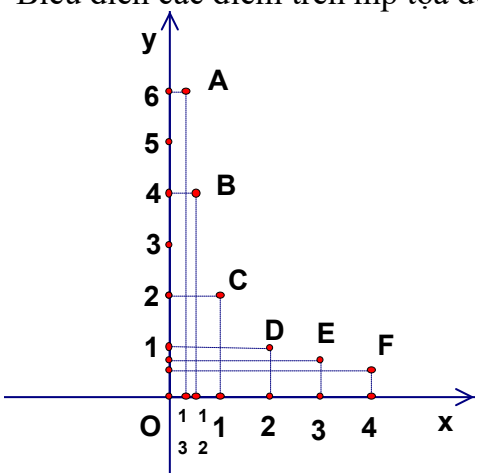
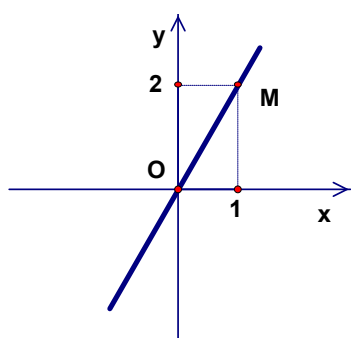
B. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của Gv	Hoạt động của Hs	Kiến thức cần đạt										
Hoạt động 1: Khái niệm hàm số (12 phút) - Mục tiêu: HS phát biểu được có mấy cách cho một hàm số, lấy được ví dụ về hàm số. Xác định được giá trị của 1 hàm số tại điểm bất kì. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp. - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não, kĩ thuật hỏi và trả lời. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp.												
? Khi nào đại lượng y được gọi là hàm số của đại lượng thay đổi x ? ? Khi đó đại lượng x được gọi là gì ? ? Hàm số có thể được cho ở những dạng nào ? (có thể quan sát VD1 SGK tr42) Gv giới thiệu ví dụ về hàm số Gv cho một số bảng và hỏi	HS nhắc lại - Đại lượng x được gọi là biến số . - Hàm số có thể được cho bằng bảng hoặc công thức, đồ thị... HS chú ý qua sát Hs trả lời	1) Khái niệm hàm số a) Khái niệm : SGK tr42 b) Ví dụ Hàm số có thể cho bởi bảng <table><tr><td>x</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>5</td></tr><tr><td>y</td><td>2</td><td>2</td><td>9</td><td>7</td></tr></table> Hàm số có thể cho bằng công thức	x	1	2	3	5	y	2	2	9	7
x	1	2	3	5								
y	2	2	9	7								

? Bảng này có phải là hàm số không? Vì sao? ? Hãy cho ví dụ (khác SGK) về hàm số được cho bằng công thức. - GV giới thiệu thêm về hàm số cho bằng công thức, hàm hằng. ? Khi viết $f(0)$ thì điều đó có ý nghĩa như thế nào? ? Tương tự $f(1)$, $f(2)$... có nghĩa là gì? - Cho HS làm ?1	Hs lấy ví dụ - $f(0)$ là giá trị của hàm số f tại giá trị $x=0$. $f(1)$ là giá trị của hàm số f tại giá trị $x=1$. ... HS theo nhóm.	$y=2x$; $y=2x+3$; $y=x^2+2x+5$.. *Lưu ý: Nếu hàm số được cho bởi công thức $y=f(x)$ ta hiểu rằng biến số x chỉ lấy những giá trị mà tại đó $f(x)$ xác định. - Khi y là hàm số của x ta có thể viết $y=f(x)$ hoặc $y=g(x)$... - Khái niệm hàm hằng : SGK tr43 ?1 $y=f(x)=\frac{1}{2}x+5$ $f(0)=5$; $f(1)=\frac{11}{2}$; $f(2)=6$; $f(3)=\frac{13}{2}$; $f(-2)=4$; $f(-10)=0$
---	---	--

Hoạt động 2: Đồ thị của hàm số (11 phút)

- **Mục tiêu:** HS biểu diễn được các điểm trên mặt phẳng tọa độ, lập bảng giá trị và vẽ được đồ thị của hàm số $y=2x$ trên mặt phẳng tọa độ.
- **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, trực quan.
- **Kỹ thuật sử dụng:** Kỹ thuật động não, kỹ thuật hỏi và trả lời
- **Năng lực:** Tính toán, giải quyết vấn đề.

- Cho HS làm ?2 Treo bảng phụ có sẵn hệ tọa độ Oxy Lần lượt gọi HS lên bảng biểu diễn các điểm trên mặt phẳng tọa độ. $A\left(\frac{1}{3};6\right)$; $B\left(\frac{1}{2};4\right)$; $E\left(3;\frac{2}{3}\right)$ $F\left(4;\frac{1}{2}\right)$; $C(1;2)$; $D(2;1)$? Vẽ đồ thị của hàm số: $y=2x$ Tập hợp những điểm của đường thẳng vẽ được chính là đồ thị của hàm số $y=2x$.	Lần lượt HS lên bảng biểu diễn các điểm trên mặt phẳng tọa độ. Hs cùng vẽ đồ thị hàm số $y=2x$ - Với $x=1$ ta có $y=2$. $\Rightarrow M(1;2)$ Đường thẳng OM chính là đồ thị hàm số $y=2x$	2) Đồ thị của hàm số -Biểu diễn các điểm trên mp tọa độ.  -Vẽ đồ thị HS: $y=2x$ 
---	--	--

Hoạt động 3: Hàm số đồng biến, nghịch biến (12 phút)

- **Mục tiêu:** HS định nghĩa được một hàm số là đồng biến, nghịch biến khi nào? Lấy được ví dụ về hàm đồng biến, nghịch biến.
- **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp
- **Kỹ thuật sử dụng:** Kỹ thuật động não.
- **Năng lực:** Tính toán, giải quyết vấn đề.

- Cho HS làm ?3 GV treo bảng phụ 2 ?Qua bảng trên khi cho x các giá trị tùy ý tăng lên thì các giá trị tương ứng của $y = 2x + 1$ như thế nào? Gv: Khi đó ta nói hàm số $y = 2x + 1$ đồng biến trên $\mathbf{R}$. GV giới thiệu tương tự đối với hàm số $y = -2x + 1$ nghịch biến trên $\mathbf{R}$. GV : Giới thiệu tổng quát. Có thể cho HS ghi phần khái niệm hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến theo cách 2.	- HS làm vào bảng phụ - Hàm số y tăng. HS đọc tổng quát ở SGK.	3) Hàm số đồng biến, nghịch biến Với $x_1 < x_2$ bất kì thuộc $\mathbf{R}$. - Nếu $x_1 < x_2$ mà $f(x_1) < f(x_2)$ Thì hàm số $y = f(x)$ đồng biến trên $\mathbf{R}$. - Nếu $x_1 < x_2$ mà $f(x_1) > f(x_2)$ Thì hàm số $y = f(x)$ nghịch biến trên $\mathbf{R}$.
C. Hoạt động luyện tập – củng cố - 7 phút - Mục tiêu: HS tính được giá trị tương ứng của y theo x, biết được hs là đồng biến hay nghịch biến - Phương pháp: Nêu vấn đề, hoạt động nhóm, vấn đáp - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
Cho HS làm bài 2/ SGK/45 HS hoạt động nhóm 2 bàn / 1 nhóm. Hàm số trên là hàm số đồng biến hay nghịch biến?	HS làm bài 2/45 vào SGK của mình bằng cách sử dụng bút chì để điền các giá trị tương ứng Hàm số trên là nghịch biến vì khi x lần lượt nhận các giá trị tăng lên thì giá trị tương ứng của hàm số giảm đi	Bài 2/45 a/ SGK/45 b/ Khi x lần lượt nhận các giá trị tăng lên thì giá trị tương ứng của hàm số lại giảm đi. Vậy hàm số nghịch biến trên $\mathbf{R}$
Hoạt động 4: Tìm tòi, mở rộng 1 phút - Mục tiêu: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học. - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật viết tích cực - Năng lực: Giải quyết vấn đề.		
GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà.	Học sinh ghi vào vở để thực hiện.	Bài cũ ➤ Xem lại bài học, học thuộc khái niệm hàm số, cách cho một hàm số. ➤ Làm bài tập 1,3 sgk trang 45, các bài trong SBT Bài mới ➤ Xem trước phần luyện tập

Ngày dạy:

Tiết 20: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Củng cố được các khái niệm liên quan về hàm số
- Tính thành thạo các giá trị của hàm số khi cho trước biến số.
- Xác định được giá trị của hàm số khi biết giá trị của biến số.
- Chứng minh được 1 hàm số là đồng biến hay nghịch biến.

2. Kỹ năng

- Vận dụng được các khái niệm ở tiết 18 để giải các bài tập có liên quan.
- Biểu diễn được các cặp số $(x;y)$ trên mặt phẳng tọa độ. Vẽ thành thạo đồ thị hàm số $y = a.x$ ($a \neq 0$)

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

* **Trọng tâm :** Rèn kỹ năng tính giá trị hàm số , vẽ đồ thị và đọc đồ thị

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phần mẫu, bảng nhóm.
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

IV. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định : Kiểm tra sĩ số.

A. Hoạt động khởi động – 5 phút

Kiểm tra bài cũ

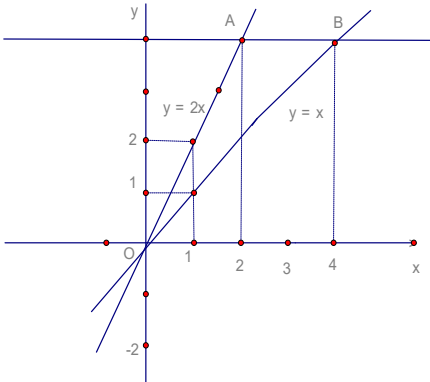
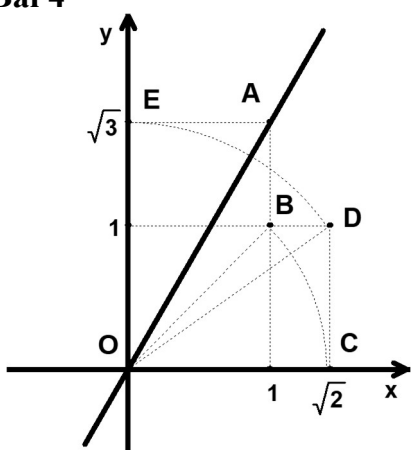
Thế nào là hàm số? Hàm số đồng biến? Hàm số nghịch biến? Cho ví dụ

HS: Trả lời như SGK / Trang 43 + 44

GV: Nhận xét, cho điểm

B. Hoạt động Luyện tập – Vận dụng (38 phút)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của Hs	Kiến thức cần đạt																								
Hoạt động 1: Chữa bài tập về nhà - Mục tiêu: HS các định được tính tăng (giảm) của hàm số qua ví dụ trên bảng phụ, khái quát được thành tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số. - Phương pháp: Nêu vấn đề - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não, kĩ thuật hỏi và trả lời. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.																										
Gv yêu cầu HS chữa bài 1 SGK Phần a, b cho HS làm trên bảng phụ dưới dạng điền giá trị tương ứng vào bảng ? Em có nhận xét gì về giá trị của hai hàm số khi biến x có cùng một giá trị Gv nhận xét, chữa đúng	HS chữa bài (lên bảng điền giá trị tương ứng vào bảng)	Bài 1																								
		<table><tr><td>G.trị của x</td><td>-2</td><td>-1</td><td>0</td><td>$\frac{1}{2}$</td><td>1</td></tr><tr><td>H/ số</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>$y = f(x)$ $=\frac{2}{3}x$</td><td>$-\frac{4}{3}$</td><td>$-\frac{2}{3}$</td><td>0</td><td>$\frac{1}{3}$</td><td>$\frac{2}{3}$</td></tr><tr><td>$y = g(x)$ $=\frac{2}{3}x+3$</td><td>$\frac{5}{3}$</td><td>$\frac{7}{3}$</td><td>3</td><td>$\frac{10}{3}$</td><td>$\frac{11}{3}$</td></tr></table>	G.trị của x	-2	-1	0	$\frac{1}{2}$	1	H/ số						$y = f(x)$ $=\frac{2}{3}x$	$-\frac{4}{3}$	$-\frac{2}{3}$	0	$\frac{1}{3}$	$\frac{2}{3}$	$y = g(x)$ $=\frac{2}{3}x+3$	$\frac{5}{3}$	$\frac{7}{3}$	3	$\frac{10}{3}$	$\frac{11}{3}$
	G.trị của x	-2	-1	0	$\frac{1}{2}$	1																				
	H/ số																									
$y = f(x)$ $=\frac{2}{3}x$	$-\frac{4}{3}$	$-\frac{2}{3}$	0	$\frac{1}{3}$	$\frac{2}{3}$																					
$y = g(x)$ $=\frac{2}{3}x+3$	$\frac{5}{3}$	$\frac{7}{3}$	3	$\frac{10}{3}$	$\frac{11}{3}$																					
Hs trả lời																										
Hs ghi bài		Với cùng giá trị của biến số x thì giá trị của hàm số $y = g(x)$ luôn lớn hơn giá trị của hàm số $y = f(x)$ là 3 đơn vị.																								
Hoạt động 2: Luyện tập - Mục tiêu: HS xác định được tọa độ của điểm trên mặt phẳng tọa độ, chứng minh được tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số. - Phương pháp và kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật khăn trải bàn. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác.																										

Bài 5 SGK tr 45 Gv treo bảng phụ hình 5 Y/cầu Hs nhận xét đồ thị Gv: Vẽ đt' // với Ox cắt tại Oy tại $y = 4$ tại A, B ? Hãy xđ toạ độ điểm A, B? ? Hãy viết công thức tính chu vi và diện tích của ΔABO ? Để tính được chu vi ΔABO phải tính được những những yếu tố nào? ? Đường cao tương ứng với cạnh AB bằng bao nhiêu? Y/cầu Hs đọc bài 4 SGK (Treo bảng phụ hình vẽ) Gv HD Hs xác định điểm A ($1; \sqrt{3}$) (Hướng dẫn sử dụng thước, compa) Cho Hs hoạt động cá nhân trong 4 phút, sau đó gọi HS trình bày Gv gọi HS nhận xét, bổ sung Gv chốt các bước làm	HS đọc bài và quan sát hình vẽ HS nhận xét $A(2;4)$, $B(4;4)$ $P_{OAB} = OA+OB+AB$ $S = (\text{đ/cao} \cdot \text{đáy}): 2$ Phải tính được OA, OB, OC + HS tự tính và làm vào vở + Một HS lên bảng tính chu vi, 1 HS tính diện HS đọc yêu cầu và quan sát hình vẽ HS chú ý lắng nghe HS tự giác làm bài HS trình bày HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần)	Dạng 1: Vẽ đồ thị Bài 5 a)+) $y = 2x$ Cho $x = 1 \Rightarrow y = 2$ ta có E (1, 2) Vậy đt OE là đồ thị h/số $y = 2x$ +) $y = x$ Cho $x = 1 \Rightarrow y = 1$ ta có M(1, 1) Vậy đt OM là đồ thị h/số $y = x$  b) Ta có $A(2;4), B(4;4)$ $P_{\Delta OAB} = OA + AB + OB$ $AB = 2\text{cm}$ $OB = \sqrt{4^2 + 4^2} = 4\sqrt{2}$ $OA = \sqrt{4^2 + 2^2} = 2\sqrt{5}$ $P_{\Delta OAB} = 2 + 4\sqrt{2} + 2\sqrt{5} \text{ (cm)}$ $S_{\Delta OAB} = \frac{1}{2} \cdot 2 \cdot 4 = 4 \text{ (cm}^2\text{)}$ Bài 4  Các bước thực hiện: B₁: Vẽ hình vuông cạnh 1 đơn vị, đỉnh O, đường chéo OB có độ dài $\sqrt{2}$ B₂: Trên Ox đặt điểm C: $OC = OB = \sqrt{2}$ B₃: Vẽ hình chữ nhật đỉnh O có cạnh $OC = \sqrt{2}$, cạnh $CD = 1$ $\Rightarrow$ đường chéo $OD = \sqrt{3}$ Trên Oy đặt điểm E: $OE = OD = \sqrt{3}$
---	---	---

Bài 7 SGK tr46 Gv gọi HS đọc đề. ? Hãy nêu cách chứng minh một hàm số đồng biến (hay nghịch biến) + Gọi HS cho hai giá trị bất kì và yêu cầu tính giá trị của hàm số tại 2 giá trị đó Gv nhận xét và chữa bài	HS vẽ hình và ghi bài Hs đọc đề HS trả lời HS cho ví dụ và tính Hs dưới lớp làm bài vào vở	B₄: Xác định điểm $A(1; \sqrt{3})$. B₅: Đường thẳng OA là đồ thị hàm số $y = \sqrt{3}x$ Dạng 2: Chứng minh hàm số đồng biến – nghịch biến Bài 7 Với $x_1 = 1, x_2 = 2$ ta có $f(x_1) = f(1) = 3.1 = 3$ $f(x_2) = f(2) = 3.2 = 6$ Vì $3 < 6$ nên $f(1) < f(2)$ Vậy hàm số đã cho đồng biến trên R
C. Hoạt động tìm tòi, mở rộng - 1 phút - Mục tiêu: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học. - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật viết tích cực. - Năng lực: Giải quyết vấn đề.		
GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà.	Học sinh ghi vào vở để thực hiện.	Bài cũ ➤ Xem lại các bài đã chữa ➤ Làm bài tập 6 sgk trang 45, 46, bài tập 4,5 sbt. Bài mới ➤ Đọc trước bài Hàm số bậc nhất ➤ Trả lời các câu hỏi trong SGK.

CHỦ ĐỀ: HÀM SỐ BẬC NHẤT

Thứ tự tiết theo PPCT	Tên bài	Tổng số tiết theo PPCT	Tên chủ đề	Tổng số tiết chủ đề
21	Hàm số bậc nhất	4	Hàm số bậc nhất	4
22	Hàm số bậc nhất (tt)			
23	Luyện tập			
24	Luyện tập (tt)			

I. MỤC TIÊU:

Học sinh học xong chủ đề HS cần đạt được

*** Về kiến thức :**

- Nhận biết được hàm số bậc nhất, lấy được ví dụ về hàm số bậc nhất.
- Giải thích được vì sao một hàm bậc nhất cho trước là hàm đồng biến, nghịch biến.
- HS phân biệt được tính đồng biến, nghịch biến của một hàm bậc nhất nhờ nhận xét về hệ số a.
- Nhận biết được đồ thị của hàm số $y = a.x + b$ ($a \neq 0$) là một đường thẳng luôn cắt trục tung tại điểm có tung độ là b, song song với đường thẳng $y = a.x$ nếu $b \neq 0$, hoặc trùng với đường thẳng $y = a.x$ nếu $b = 0$.
- Vận dụng kiến thức đã học, giải các bài tập liên quan.

*** Về kỹ năng :**

- Phân loại được hệ số a âm hay dương, qua đó kết luận tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số bậc nhất.
- Vẽ được chính xác đồ thị hàm số bậc nhất.
- Vận dụng các kiến thức đã học để làm các bài tập có liên quan.

*** Về thái độ :**

- Có thái độ nghiêm túc, chú ý, cẩn thận trong quá trình trình bày; Yêu thích môn học.

*** Trọng tâm :** đ/n ,t/c, đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$

II. NỘI DUNG:

Chủ đề thực hiện trong 4 tiết:

- Nội dung tiết 1:
 1. Khái niệm hàm số bậc nhất
 2. Tính chất
- Nội dung tiết 2:
 3. Đồ thị của hàm số bậc nhất
- Nội dung tiết 3:

Luyện tập
- Nội dung tiết 4:

Luyện tập

III. CHUẨN BỊ:

- GV: Đồ dùng dạy học theo yêu cầu từng tiết
- Hs: đồ dùng học tập và kiến thức theo yêu cầu từng tiết

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ngày dạy :

Tiết 1 chủ đề:

HÀM SỐ BẬC NHẤT (Tiết 21 PPCT)

I. Mục tiêu:

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Trả lời được các câu hỏi của bài toán mở đầu, qua đó nhận biết được hàm số bậc nhất.
- HS lấy được ví dụ về hàm số bậc nhất.
- HS xác định được tính tăng, giảm của hàm số bậc nhất. Qua đó giải thích được vì sao một hàm bậc nhất cho trước là hàm đồng biến, nghịch biến.
- HS phân biệt được tính đồng biến, nghịch biến của một hàm bậc nhất nhờ nhận xét về hệ số a .

2. Kỹ năng

- Phân loại được hệ số a âm hay dương, qua đó kết luận tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số bậc nhất.
- Rèn kỹ năng trình bày bài tập chính xác.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập

*** Trọng tâm :** đ/n ,t/c của hàm số bậc nhất $y = ax + b$

*** Phẩm chất:** Tự tin, tự lực

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phần màu, bảng nhóm.
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

IV. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định : (1 phút)

A. Hoạt động khởi động (5 phút).

Kiểm tra bài cũ :

Hàm số là gì? Hãy điền vào chỗ trống trong các câu sau:

+ Nếu $x_1 < x_2$ mà $f(x_1) < f(x_2)$ thì hàm số $y = f(x)$ trên R.

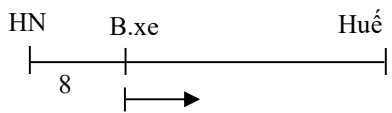
+ Nếu $x_1 < x_2$ mà $f(x_1) > f(x_2)$ thì hàm số $y = f(x)$ trên R.

HS trả lời – GV nhận xét, cho điểm (ĐN: SGK - đồng biến / nghịch biến)

GV ĐVD: Ta đã biết khái niệm hàm số và biết lấy ví dụ về hàm số được cho bởi công thức.

Hôm nay ta sẽ học một hàm số cụ thể, đó là hàm số bậc nhất. Vậy hàm số bậc nhất là gì, nó có tính chất như thế nào, đó là nội dung bài hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG										
Hoạt động 1: <i>Khái niệm về hàm số bậc nhất</i> (15 phút) - <i>Mục tiêu:</i> HS định nghĩa được một hàm số là hàm bậc nhất, nhận biết được hàm số bậc nhất qua các ví dụ. - <i>Phương pháp:</i> Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - <i>Kĩ thuật sử dụng:</i> Kĩ thuật động não. - <i>Năng lực:</i> Tính toán, giải quyết vấn đề.												
GV tóm tắt bài toán bằng sơ đồ ? Bài toán cho biết gì? Yêu cầu làm gì? ? Với vận tốc như vậy sau một giờ đi được bao nhiêu km? ? Sau t giờ đi được bao nhiêu km? ? Vậy sau t giờ thì ô tô cách trung tâm Hà Nội bao nhiêu km? Cho HS dựa vào công thức đó điền số liệu vào bảng phụ ? Vì sao s là hàm số của t? (Vì mỗi giá trị của x ta đều tính được 1 giá trị duy nhất của y) ? Bậc của đa thức $50t+8$ là bao nhiêu ? Từ đó giáo viên đưa ra nội dung của hàm số bậc nhất Chú ý cho HS trường hợp $b = 0$ hàm số có dạng $y = ax$	HS đọc nội dung bài toán Thực hiện ?1 HS đứng tại chỗ điền HS tính toán sau đó điền số liệu vào bảng phụ để hoàn thành ?2 HS suy nghĩ và trả lời. - Bậc nhất HS nhắc lại định nghĩa	1. <i>Khái niệm về hàm số bậc nhất.</i> Bài toán: SGK/46  ? Sau t(h) ô tô cách trung tâm HN bao nhiêu km ?1 Sau 1 giờ ô tô đi được 50(km.) Sau t giờ ô tô đi được $50t$ (km) Sau t giờ ô tô cách trung tâm Hà Nội là $s = 50t + 8$ (km) ?2 <table><tr><td>t</td><td>1</td><td>2</td><td></td><td>4</td></tr><tr><td>s</td><td>58</td><td>108</td><td>158</td><td>208</td></tr></table> s là hàm số của t vì: - s phụ thuộc vào t - ứng với mỗi giá trị của t chỉ có một giá trị của s. Định nghĩa: Hàm số bậc nhất có dạng $y = ax + b$, trong đó a, b là các số cho trước và $a \neq 0$	t	1	2		4	s	58	108	158	208
t	1	2		4								
s	58	108	158	208								

Cho hs nhận diện khái niệm bằng bài tập: đẳng thức nào dưới đây biểu thị một hàm số bậc nhất ? hãy chỉ rõ a và b trong các hàm số ấy. a, $y = -4x + 5$; b, $y = x^2 - 3x + 1$ c, $y = 0x - 4$ d, $y = 1 + \sqrt{5}x$ e, $y = 1 + \sqrt{5x}$ g, $y = 1$, h, $y = 2 - \frac{1}{2}x$ i) $y = \sqrt{2}(x-1) + \sqrt{3}$	HS đứng tại chỗ trả lời	<i>Chú ý:</i> Khi $b = 0$, hàm số có dạng $y = ax$ Bài tập: Hàm số bậc nhất là $y = -4x + 5$ với $a = -4; b = 5$ $y = 1 + \sqrt{5}x$ với $a = \sqrt{5}; b = 1$ $y = 2 - \frac{1}{2}x$ với $a = -\frac{1}{2}; b = 2$ $y = \sqrt{2}(x-1) + \sqrt{3}$ với $a = \sqrt{2}$, $b = \sqrt{3} - \sqrt{2}$
Hoạt động 2: Tính chất (15 phút) - Mục tiêu: HS chứng minh được hàm số $y=3x+1$ là hàm số đồng biến, qua đó khái quát được thành tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số bằng tính chất. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
Cho HS tự đọc ví dụ trong SGK sau đó trả lời các câu hỏi sau: ? Hàm số $y = -3x + 1$ xác định với những giá trị nào của x? ? Chứng minh rằng hàm số $y = -3x + 1$ nghịch biến trên R Cho HS làm 23 theo nhóm GV gọi đại diện lên bảng trình bày các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung GV nhận xét và đánh giá hoạt động nhóm ?Vậy hàm số $y = f(x) = ax + b$ đồng biến khi nào? nghịch biến khi nào Dựa và câu trả lời của HS GV giới thiệu tính chất của hàm số bậc nhất.	HS đọc ví dụ trong SGK sau đó trả lời các câu hỏi trên HS làm 23 theo nhóm trong 5 phút. Đại diện một nhóm lên trình bày các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung HS suy nghĩ và trả lời. HS nhắc lại tính chất của hàm số bậc nhất.	2. Tính chất: Ví dụ: Xem SGK/47 23 Với $x_1, x_2 \in \mathbb{R}$ và $x_1 < x_2$ ta có: $f(x_1) = 3x_1 + 1$; $f(x_2) = 3x_2 + 1$ Khi đó: $f(x_2) - f(x_1) = (3x_2 + 1) - (3x_1 + 1)$ $= 3(x_2 - x_1) > 0$ nên $f(x_2) > f(x_1)$ Vậy hàm số $y = 3x + 1$ đồng biến trên R <u>Tổng quát:</u> Hàm số $y = ax + b$ xác định với $\forall R$ $+ a > 0 \Rightarrow$ h/s đồng biến trên R $+ a < 0 \Rightarrow$ h/s nghịch biến trên R
B - Hoạt động luyện tập- vận dụng – 7 phút - Mục tiêu: HS vận dụng được định nghĩa, tính chất giải các bài tập có liên quan. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp		

- Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
Cho HS lấy ví dụ về hàm số đồng biến và nghịch biến Gv yêu cầu hs giải thích vì sao hàm số ĐB? Vì sao hàm số nghịch biến? ? Cho hàm số $y = (m - 2)x + 3$; $(m - 2 \neq 0)$ Với giá trị nào của m thì hàm số ĐB? NB?	HS lấy ví dụ về hàm số đồng biến và nghịch biến	24 a/Hàm số đồng biến: $y = 5x + 3$, $y = 7x + 6$, $y = 3x + 2$... b/ Hàm số nghịch biến: $y = -5x + 3$, $y = -7x + 6$, $y = -3x + 2$ Bài tập $m - 2 > 0 \Leftrightarrow m > 2$ thì HS đồng biến $m < 2$ thì hàm số nghịch biến
C – Tìm tòi mở rộng – 1 phút - Mục tiêu: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học. - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật viết tích cực - Năng lực: Giải quyết vấn đề.		
Bài tập về nhà: 8,9,10,11/48 SGK; 6,7,8,9/57 SBT. Học thuộc khái niệm và tính chất của hàm số bậc nhất. Chuẩn bị tiết luyện tập		

Ngày dạy :
 Tiết 2 chủ đề:

HÀM SỐ BẬC NHẤT (TT)

(Tiết 22 PPCT)

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Nhận biết được đồ thị của hàm số số $y = a.x + b$ ($a \neq 0$) là một đường thẳng luôn cắt trục tung tại điểm có tung độ là b, song song với đường thẳng $y = a.x$ nếu $b \neq 0$, hoặc trùng với đường thẳng $y = a.x$ nếu $b = 0$.
- Vận dụng kiến thức đã học, giải các bài tập liên quan.

2. Kỹ năng

- Vẽ được đồ thị của hàm số số $y = a.x + b$ bằng cách xác định 2 điểm thuộc đồ thị.
- Kỹ năng trình bày cẩn thận, rõ ràng. Tính toán chính xác.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập

* **Trọng tâm:** Vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$)

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phấn màu, bảng nhóm. SGK - SBT
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài. SGK - SBT

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

IV. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG
A - Hoạt động khởi động – 5 phút		

Hs1: Đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$) là gì?

Nêu cách vẽ đồ thị hàm số $y = ax$

HS2: Làm ?1

HS: Đồ thị hàm số $y = ax$ là đường thẳng đi qua gốc tọa độ.

Cách vẽ: Ta xác định tọa độ điểm A bất kỳ thỏa mãn $y_A = ax_A$. Đồ thị hàm số chính là đường thẳng OA.

B - Hoạt động hình thành kiến thức - 27 phút

***Mục tiêu:** HS hiểu được dạng của đồ thị hàm số

$y = ax + b$ ($a \neq 0$) và cách vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$

***Giáo nhiệm vụ:** Làm ?1, ?2

và rút ra các nhận xét

Gv sử dụng phần bài làm của HS2

? Có nhận xét gì về 3 điểm A, B, C

? Em có nhận xét gì về vị trí của A', B', C' so với vị trí của A, B, C trên mặt phẳng tọa độ

? Các tứ giác AA'B'B, BB'C'C là hình gì? Vì sao?

? Từ đó nhận xét quan hệ giữa AB và A'B', BC và B'C'

Qua đó ta có nếu A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng (d) thì A', B', C' cùng nằm trên đường thẳng nào?

Cho HS làm tiếp ?2

Gv treo bảng phụ kẻ sẵn bảng ?2

HS quan sát suy nghĩ và trả lời.

- 3 điểm A; B; C thẳng hàng vì có tọa độ thỏa mãn $y = 2x$ nên cùng nằm trên một đt.

- Cùng hoành độ, tung độ mỗi điểm A', B', C' lớn hơn 3 đơn vị với các điểm tương ứng A, B, C

- Các tứ giác AA'B'B, BB'C'C là hình bình hành vì có hai cạnh đối song song và bằng nhau.

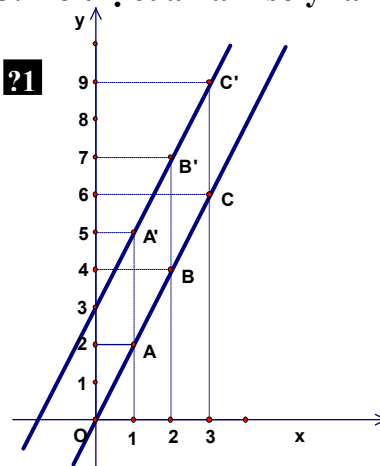
$AB \parallel A'B'$, $BC \parallel B'C'$

A', B', C' cùng nằm trên đường thẳng (d') song song với (d)

HS cả lớp làm ?2 vào SGK của mình, 1hs lên bảng điền

3. Đồ thị của hàm số $y = ax + b$

?1



Nhận xét:

A; B; C cùng thuộc đường thẳng d thì A'; B'; C' cùng thuộc đường thẳng d' và $d \parallel d'$

?2

x	-4	-3	-2	-1	-0,5	0	0,5	1	2	3	4
$y = 2x$	-8	-6	-4	-2	-1	0	1	2	4	6	8
$y = 2x + 3$	-5	-3	-1	1	2	3	4	5	7	9	11

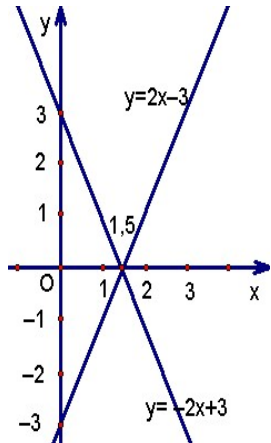
? Với mỗi giá trị x bất kì hãy nhận xét các giá trị tương ứng của của hàm số $y = 2x$ và $y = 2x + 3$ như thế nào

? Có thể kết luận như thế nào về đồ thị của hàm số $y = 2x$ và $y = 2x + 3$?

Từ đó GV nêu phần tổng quát

Với mỗi giá trị của x thì giá trị của hàm số $y = 2x + 3$ lớn hơn giá trị của hàm số $y = 2x$ là 3 đơn vị

Đồ thị của hàm số $y = 2x + 3$ là một đường thẳng song song với đường

-GV giới thiệu phần chú ý khi vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ - Gv ĐVĐ : Ta đã biết đồ thị hàm số $y = ax + b$ là một đường thẳng vậy muốn vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ ta làm như thế nào ?	thẳng $y = 2x$ và cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng 3 HS đọc phần tổng quát SGK/50 HS nhắc lại phần chú ý SGK/50	Tổng quát: SGK <i>Chú ý:</i> Đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) còn được gọi là đường thẳng $y = ax + b$ b gọi là tung độ gốc của đường thẳng
*Hoạt động cá nhân ?3 ? Để vẽ được một đường thẳng cần biết ít nhất mấy điểm thuộc đường thẳng đó GV: Vậy để vẽ được đồ thị hàm số $y = ax + b$ cần xác định hai điểm thuộc vào đồ thị của hàm số đó ? Nếu $b = 0$ thì đồ thị hàm số $y = ax$ vẽ như thế nào? ? Khi $b \neq 0$; $a \neq 0$ đồ thị hàm số $y = ax + b$ được vẽ như thế nào Gv chốt kiến thức chuẩn qua bảng phụ C. HĐ Luyện tập – Vận dụng 10 phút củng cố bằng 23/51 GV nhận xét và sửa sai và nêu tóm tắt cách vẽ đồ thị của 2 hàm số này. Thông qua đồ thị của hai hàm số GV nêu nhận xét đồ thị hàm số $y = ax + b$	Để vẽ được một đường thẳng cần biết ít nhất hai điểm thuộc đường thẳng đó -Nếu $b = 0$ thì đồ thị hàm số $y = ax$ đi qua điểm $O(0;0)$ và $A(1;a)$ Hs thảo luận đưa ra các ý kiến - Hs đọc 2 bước vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ - sgk/ 51 ----- - 2hs lên bảng thực hiện Hs nghe hiểu, ghi nhớ kiến thức <u>Nhận xét:</u> - Khi $a > 0$ hàm số $y = ax + b$ đồng biến trên R; từ trái sang phải đt $y = ax + b$ đi lên - Khi $a < 0$ hàm số NB trên R: từ trái sang phải đt $y = ax + b$ đi xuống	❖ Cách vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) SGK/50,51  23 a/ Vẽ đồ thị hàm số $y = 2x - 3$ Cho $x = 0 \Rightarrow y = -3$ Ta có $A(0;-3)$ Cho $y = 0$ $\Rightarrow x = 3/2$ ta có: $B\left(\frac{3}{2}; 0\right)$ Đồ thị h/s là đường thẳng đi qua 2 điểm $A; B$ b) $y = -2x + 3$ $x = 0 \Rightarrow y = 3$. Điểm $C(0;3)$ $y = 0 \Rightarrow x = 3/2$. Điểm $D\left(\frac{3}{2}; 0\right)$. Đồ thị h/s là đường thẳng đi qua 2 điểm $C; D$

D - Hoạt động tìm tòi, mở rộng – 3 phút

- **Mục tiêu:** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.
- HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.

- **Phương pháp và kỹ thuật sử dụng:** Kỹ thuật viết tích cực

Bài tập về nhà: 15,16,17/51 SGK -14,15,16,17/58,59 SBT.

Hướng dẫn bài 15b: Đồ thị của bốn hàm số đó có hai đường thẳng nào song song với nhau? ($y = 2x + 5$ và

$y = 2x + 5$, $y = -\frac{2}{3}x$ và $y = -\frac{2}{3}x + 5$). Vậy thì ta có các đoạn thẳng nào song song với nhau? (AB//OC

AO//BC) Vậy tứ giác OABC là hình gì? Vì sao? (OABC là hình bình hành vì có các cạnh đối song song)

Ngày dạy:.....

Tiết 3 chủ đề

Tiết 23: LUYỆN TẬP

(Tiết 23 PPCT)

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Củng cố thêm về định nghĩa và tính chất của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$)
- Xác định được một hàm số cho trước có phải là hàm số bậc nhất hay không, là hàm số đồng biến hay nghịch biến.
- Biểu diễn được tọa độ của điểm trên mặt phẳng tọa độ.

2. Kỹ năng

- Biểu diễn được tọa độ của điểm trên mặt phẳng tọa độ.
- Biết cách phân biệt một hàm số bậc nhất là đồng biến hay nghịch biến.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập

* **Trọng tâm:** Biểu diễn được tọa độ của điểm trên mặt phẳng tọa độ. Biết cách phân biệt một hàm số bậc nhất là đồng biến hay nghịch biến.

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phấn màu, bảng nhóm.
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

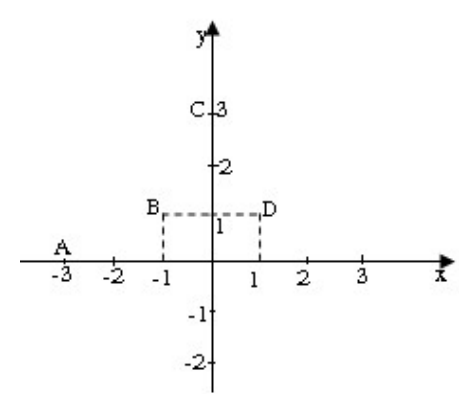
IV. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định : (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ (Kết hợp trong bài)

3. Bài mới :

Hoạt động của Gv	Hoạt động của Hs	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: Chữa bài tập về nhà (7 phút)		
- Mục tiêu: HS trình bày lại được bài tập 7 SBT đã cho về nhà, nhắc lại được hàm số bậc nhất đồng biến, nghịch biến khi nào? - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
Gv yêu cầu 1 HS chữa bài 7 SBT tr62 Gv kiểm tra bài tập của 1 số Hs	HS chữa bài	Bài 9 Hàm số $y = (m + 1)x + 5$

Gv gọi 1 hs Tb đứng tại chỗ nhận xét bài trên bảng và hỏi: Hàm số $y = ax + b$ với $a \neq 0$ đồng biến khi nào? Nghịch biến khi nào? ? hàm số $y = (m+1)x + 5$ là h/số bậc nhất khi nào? Gv đánh giá việc chuẩn bị bài của hs và đặt vấn đề sang hoạt động 2	Hs nhận xét và trả lời Khi $m \neq -1$ Hs chữa đúng bài vào vở	a) Đồng biến khi $m + 1 > 0$ $\Leftrightarrow m > -1$ b) Nghịch biến khi $m + 1 < 0$ $\Leftrightarrow m < -1$
Hoạt động 2: Luyện tập (36 phút) - Mục tiêu: HS biểu diễn được các điểm cho trước trên mặt phẳng tọa độ. Xác định được điều kiện để một hàm số là hàm số bậc nhất. Xét được tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số bậc nhất. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
Bài 11 SGK SGK - Gv treo bảng phụ có vẽ sẵn hệ trục tọa độ yêu cầu HS biểu diễn tọa độ các điểm trên mặt phẳng tọa độ. - Gọi 4 HS lần lượt biểu diễn. Gv chốt: - Tập hợp các điểm có tung độ bằng 0 là trục hoành có phương trình $y = 0$ - Tập hợp các điểm có hoành độ bằng 0 là trục tung có phương trình $x = 0$	HS còn lại làm bài vào vở quan sát để nhận xét góp ý. (Dành cho HS TB)	Dạng 1 : Biểu diễn điểm trên mp toạ độ (10 phút) Bài 11 A(-3; 0) ; B(-1; 1) ; C(0; 3) D(1; 1) ; E(3; 0) ; F(1 ; -1) G(0 ; -3) ; H(-1 ; -1) 
Bài 13 SGK tr48 ? Xác định hệ số a trong mỗi hàm số? Gv cho Hs hoạt động cá nhân làm bài trong 3 phút (Cho 1 HS làm trên bảng phụ) GV gọi Hs nhận xét và chữa bài trên bảng phụ	Hs đứng tại chỗ trả lời Hs HĐ cá nhân, tự giác làm bài	Dạng 2 : Xác định hàm số bậc nhất (9 phút) Bài 13 a) Hàm số $y = \sqrt{5-m}(x-1)$ là hàm số bậc nhất $\Leftrightarrow \sqrt{5-m} \neq 0; 5-m \geq 0$ $\Leftrightarrow 5-m > 0$ $\Leftrightarrow m < 5$ b) hàm số $y = \frac{m+1}{m-1}x + 3,5$ là hàm số bậc nhất

Thu 5 bài của hs yêu cầu các Hs khác chấm chéo và lấy điểm Gv chú ý Hs tìm điều kiện để phân thức xác định Bài 14 SGK tr48 Gv yêu cầu HS đọc bài ? Bài toán cho gì? Yêu cầu những gì? Gv yêu cầu hs HDN bàn làm bài trong 5 phút Gv quan sát các nhóm Gv chữa bài nhóm nhanh nhất và yêu cầu các nhóm còn lại chữa chéo Gv chốt kiến thức toàn bài	Hs nhận xét chéo bài nhau - HS đứng tại chỗ trình bày - HS đọc đề - Hs trả lời Hs HDN làm bài Hs cùng Gv chữa bài các nhóm Hs chú ý lắng nghe và chữa bài vào vở	$\Leftrightarrow \frac{m+1}{m-1} \neq 0$ $\Leftrightarrow \begin{cases} m-1 \neq 0 \\ m+1 \neq 0 \end{cases}$ $\Leftrightarrow \begin{cases} m \neq 1 \\ m \neq -1 \end{cases}$ Dạng 3 : Hàm số đồng biến – nghịch biến (17 phút) Bài 14 a) Hàm số $y = (1 - \sqrt{5})x - 1$ (1) Ta có: $a = 1 - \sqrt{5} < 0$ Vậy hàm số đã cho nghịch biến trên R b) Thay $x = 1 + \sqrt{5}$ vào hàm số (1) Ta có $y = (1 - \sqrt{5})(1 + \sqrt{5}) - 1$ $y = -5$ c) Thay $y = \sqrt{5}$ vào hàm số (1) Ta có $\sqrt{5} = (1 - \sqrt{5})x - 1$ $\Leftrightarrow (\sqrt{5} + 1) = (1 - \sqrt{5})x$ $\Leftrightarrow x = \frac{\sqrt{5} + 1}{1 - \sqrt{5}}$ $\Leftrightarrow x = \frac{(\sqrt{5} + 1)^2}{-4}$ $\Leftrightarrow x = \frac{2(3 + \sqrt{5})}{-4}$ $\Leftrightarrow x = -\frac{3 + \sqrt{5}}{2}$
Hoạt động 3: Giao việc về nhà (1 phút) - Mục tiêu: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học. - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật viết tích cực - Năng lực: Giải quyết vấn đề.		
GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà.	Học sinh ghi vào vở để thực hiện.	Bài cũ ➤ Xem lại các bài đã chữa ➤ Làm bài tập 12 sgk trang 48, bài tập 9,12,13 sbt. Bài mới

		Đọc trước bài Đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$). Tìm hiểu dạng đồ thị và cách vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$). ➤ Trả lời các câu hỏi trong SGK.
--	--	--

Ngày dạy :

Tiết 4 chủ đề:

LUYỆN TẬP (TT)

(Tiết 24 PPCT)

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Nhận biết được đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) là một đường thẳng, xác định được mối liên hệ giữa đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) với đồ thị hàm số $y = ax$.
- Thành thạo cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất. Tìm được giao điểm của hai đồ thị hàm số bậc nhất. Giải được một số bài toán liên quan đến đồ thị hàm số bậc nhất.

2. Kỹ năng

- Vẽ được chính xác đồ thị hàm số bậc nhất.
- Vận dụng các kiến thức đã học để làm các bài tập có liên quan.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập
- * **Trọng tâm** : vẽ thành thạo đồ thị hàm số $y = ax + b$

II. Chuẩn bị:

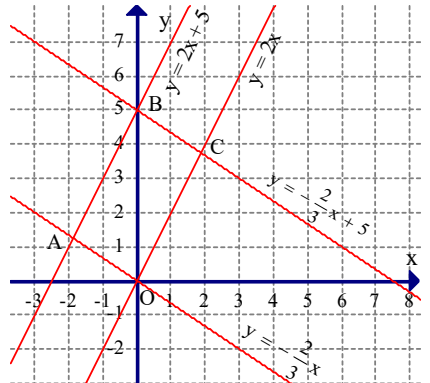
- Gv : Giáo án, sách, phần màu, bảng nhóm.
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

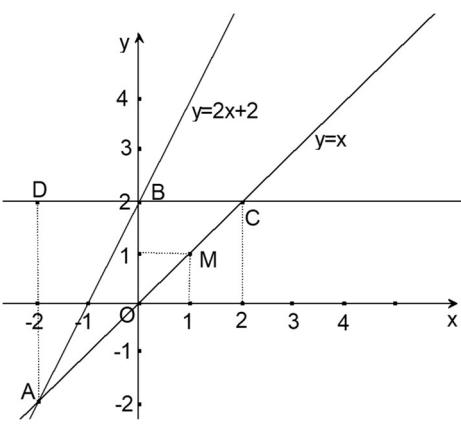
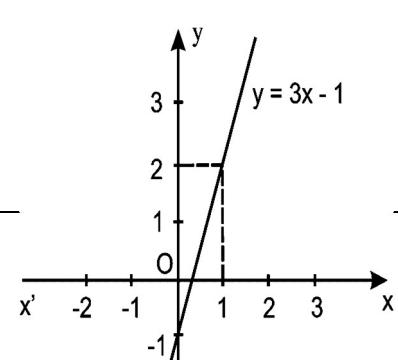
III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

IV. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định : (1 phút)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG
A – Hoạt động khởi động: Kiểm tra bài cũ – 10 phút		
- Mục tiêu: HS trình bày lại được bài tập 15 sgk đã cho về nhà. Hs vẽ được chính xác đồ thị của hàm số nhờ việc lấy chính xác 2 điểm thuộc đồ thị. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não.		
a) Làm bài tập 15 sgk. Vẽ đồ thị hàm số. $y = 2x$ $y = 2x + 5$ $y = -\frac{2}{3}x$ $y = -\frac{2}{3}x + 5$ b) Tứ giác ABCD là hình gì? Vì sao?	2 hs lên bảng thực hiện, lớp theo dõi nhận xét đồ thị các hàm số học sinh vẽ lên bảng.	

		Tứ giác ABCD là hình bình hành vì có các cặp cạnh đối song song với nhau.
B - Hoạt động luyện tập – 33 phút. Mục tiêu: HS vẽ thành thạo được đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$), xác định được tọa độ giao điểm của hai đồ thị. Tính được chu vi tam giác, diện tích tam giác tạo bởi 2 đường thẳng và trục hoành. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
* Hoạt động cá nhân: BT 16,18,19/sgk ? Đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) là gì? Nêu cách vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) Chữa bài tập 16a-sgk Chữa bài tập 16b- sgk. ? Giao điểm 2 đt $y = x$ và $y = 2x + 2$ có tọa độ như thế nào Gv vẽ đt $y = 2$? Hãy tìm giao điểm của mỗi đt trên với đt $y = 2$? Để tính S_{ABC} ta làm thế nào ? hãy nêu cách tính chu vi ΔABC Bài 18/SGK Y/c hs thảo luận nhóm	HS lên bảng vẽ đồ thị hàm số $y = x$ và $y = 2x + 2$ Hs trả lời miệng: ... A(-2;-2) - Giao điểm của $y = 2$ với $y = x$ là C(2; 2) - Giao điểm của $y = 2$ với $y = 2x + 2$ là B(0; 2) Hs đưa ra 2 cách tính khác nhau. C1: $S_{ABC} = \frac{1}{2} BC \cdot AD$ C2: $S_{ABC} = S_{ACD} - S_{ABD}$ Với D là chân đường vuông góc hạ từ A tới BC. Học sinh hoạt động nhóm. Nửa lớp làm câu a. Nửa còn lại làm câu b.	Bài 16/ sgk:  b. Hoành độ giao điểm của đt $y = x$ và $y = 2x + 2$ là nghiệm của pt $2x + 2 = x \Leftrightarrow x = -2 \Rightarrow y = -2$ Vậy A(-2;-2) c. Tọa độ điểm C(2;2) Xét tam giác ABC: đáy BC = 2cm. đường cao tương ứng AH = 2cm $S_{ABC} = \frac{1}{2} AD \cdot BC = \frac{1}{2} \cdot 2 \cdot 2 = 2 \text{ cm}^2$ d. $P_{ABC} = AB + AC + BC$ $= \sqrt{20} + \sqrt{32} + 2 \text{ (cm)}$ $\approx 12,3 \text{ (cm)}$ Bài 18-sgk 

Gv kiểm tra kết quả của các nhóm

x	0	4
$y = 3x - 1$	- 1	11

x	0	$\frac{1}{3}$
$y = 2x + 5$	- 1	0

Đại diện các nhóm trình bày trên bảng.

HS hoạt động cặp đôi.

HS: hoành độ giao điểm của đường thẳng $y = 3x - 1$ và $y = 2x + 5$ là nghiệm của phương trình

$$3x - 1 = 2x + 5 \Leftrightarrow x = 6$$
$$\Rightarrow y = 17$$

Vậy tọa độ giao điểm cần tìm là (6;17)

(Hỏi thêm)

? Hãy tìm tọa độ giao điểm của hai đồ thị trên

GV chốt lại kết quả và nhắc HS nhớ cách làm dạng toán này.

a) Với $x = 4$ thì $y = 3x + b$

có giá trị là 11

$\Rightarrow$ ta thay $x = 4; y = 11$ vào

$y = 3x + b$,

ta có:

$11 = 3.4 + b \Rightarrow b = - 1$

Vậy hàm số cần tìm là $y = 3x - 1$

b) Vì đồ thị hàm số $y = ax + 5$ đi qua điểm A(-1;3) nên $3 = -a + 5$

$\Rightarrow a = 5 - 3 = 2$

Hàm số cần tìm là: $y = 2x + 5$.

C - Hoạt động tìm tòi, mở rộng – 1 phút.

- **Mục tiêu:** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.
- HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.
- **Phương pháp và kỹ thuật sử dụng:** Kỹ thuật viết tích cực
- **Năng lực:** Giải quyết vấn đề.

Làm các bài tập: 14,15sbt và 17 sgk.

Đọc trước bài Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau.

Ngày dạy :

Tiết 25: ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG VÀ ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Nhận biết và nhắc lại được điều kiện để hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và đường thẳng $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
- Vận dụng được lí thuyết vào giải các bài tập tìm giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là 2 đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.

2. Kỹ năng

- Vẽ được các đường thẳng cho trước, qua đó nhận xét các cặp đường thẳng song song, cắt nhau.
- Tính toán chính xác, trình bày cẩn thận.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập

* **Trọng tâm** : điều kiện hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và đường thẳng $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song, trùng nhau.

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phần màu, bảng nhóm.
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

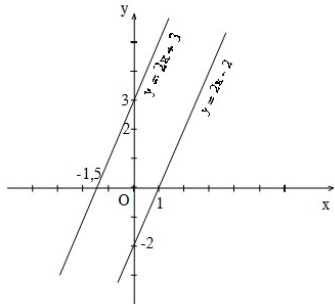
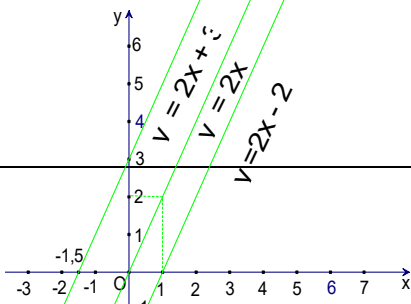
III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

IV. Tiến trình dạy học:

1. Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số - 1 phút.

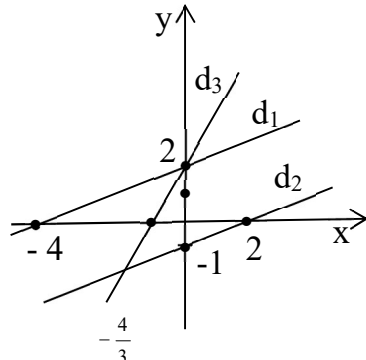
2. Nội dung:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG
A - Hoạt động khởi động – 7 phút		
*Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức bài cũ và đặt vấn đề vào bài mới - Đưa bảng phụ có kẻ sẵn ô vuông và nêu y/c kiểm tra: “Vẽ trên cùng một mặt phẳng toạ độ, đồ thị các hàm số $y=2x$ và $y=2x + 3$” ? Nêu nhận xét về hai đồ thị này. ? Trên cùng một mp hai đt có những vị trí tương đối nào? ?Vậy hai đt $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) khi nào thì cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau ta sẽ đi vào nội dung bài học hôm nay.	Cả lớp làm bài tập vào giấy oli đã chuẩn bị trước, một em lên bảng thực hiện. <i>HS nêu nhận xét như phần ND</i> Học sinh phát biểu nhận xét Trên cùng một mặt phẳng hai đường thẳng có thể song song cũng có thể cắt nhau hoặc có thể trùng nhau.	 <i>Nhận xét:</i> Đồ thị hàm số $y = 2x + 3$ song song với đồ thị hàm số $y = 2x$. Vì hai hàm số có hệ số cùng bằng 2 và 3 khác 0.
B - Hoạt động hình thành kiến thức		
HD1: Hai đường thẳng song song (10 phút)		
- Mục tiêu: HS nhận biết được khi nào hai đường thẳng song song. Phát biểu được dấu hiệu hai đường thẳng song song, hai đường thẳng trùng nhau. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, trực quan. - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não, phòng tranh. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
*Hoạt động cá nhân: Yêu cầu hs khác lên vẽ tiếp đồ thị hàm số $y = 2x - 2$ lên mp đồ thị mà bạn vừa vẽ		1. Đường thẳng song song 

-NV1: Có nhận xét gì về 2 đt $y = 2x - 2$ và $y = 2x + 3$ -NV2: TQ 2 đt $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) song song với nhau khi nào? trùng nhau khi nào? * Áp dụng: Xét vị trí tương đối giữa 3 đường thẳng: $y = -\sqrt{3}x + 2$ (d_1) $y = 0,5x + 7$ (d_2) $y = -\sqrt{3}x - \frac{1}{2}$ (d_3)	Toàn lớp làm ?1a, vẽ đồ thị hàm số $y = 2x + 3$ và $y = 2x - 2$. $y = 2x - 2 // y = 2x + 3$ vì cùng // $y = 2x$ HS trả lời như phần Kết luận HS: đứng tại chỗ. $d_1 // d_3$ HS nêu lý do.	Kết luận: Đ.thẳng $y = ax + b$ $(a \neq 0)(d)$ Đ.thẳng $y = a'x + b'$ $(a' \neq 0)(d')$ - $d // d' \Leftrightarrow a = a'; b \neq b'$ - $d \equiv d' \Leftrightarrow a = a'; b = b'$
---	---	---

Hoạt động 2: Hai đường thẳng cắt nhau ($a \neq 0$) (13 phút)

- **Mục tiêu:** HS nhận biết được hai đường thẳng cắt nhau bằng minh họa sgk, qua đó rút ra nhận xét về dấu hiệu để hai đường thẳng cắt nhau.
- **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, trực quan.
- **Kĩ thuật sử dụng:** Kĩ thuật động não, phòng tranh.
- **Năng lực:** Tính toán, giải quyết vấn đề.

(Hoạt động cá nhân, cặp đôi) - NV1: Tìm các cặp đường thẳng song song, các cặp đường thẳng cắt nhau trong các đường thẳng sau: $y = 0,5x + 2$ (d_1) $y = 0,5x - 1$ (d_2) $y = 1,5x + 2$ (d_3) Giáo viên treo bảng phụ vẽ sẵn 3 hàm số trên để minh họa cho nhận xét. -NV2: Một cách TQ đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau khi nào? GV ghi kết luận lên bảng. Xét vị trí tương đối giữa 2 đường thẳng $y = -3x - 4$; $y = 2x - 4$ -NV3: Khi nào thì hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và	Trong ba đt đó, đt (d_1) và (d_2) song song với nhau vì có hệ số a bằng nhau, hệ số b khác nhau. Hai đt (d_1) và (d_3) không song song và cũng không trùng nhau, chúng phải cắt nhau. Tương tự, hai đt (d_2) và (d_3) cũng cắt nhau. Hs trả lời miệng. Hs khác bổ sung. Hs ghi kết luận vào vở. Một hs đọc to kết luận trong sách giáo khoa. Hs quan sát đồ thị để trả lời 2 đt cắt nhau tại 1 điểm trên trục Oy (trục tung)	2. Đường thẳng cắt nhau: Đồ thị của ba hàm số.  *Tổng quát: Đt $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau khi và chỉ khi $a \neq a'$ <u>Chú ý:</u>
--	---	--

$y = a'x + b' \ (a' \neq 0)$ cắt nhau tại một điểm trên trục tung?	HS: Khi $b = b'$ HS nêu chú ý	Khi $a \neq a'$ và $b = b'$ thì hai đường thẳng cắt nhau tại một điểm trên trục tung có tung độ là b .
C - Hoạt động vận dụng (11 phút) - Mục tiêu: HS tìm được điều kiện để một hàm số cho trước là hàm số bậc nhất, vận dụng kiến thức đã học, tìm điều kiện để hai đồ thị song song, cắt nhau. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
*Hoạt động nhóm NV1? Hàm số $y = 2mx + 3$ và $y = (m + 1)x + 2$ có các hệ số $a; b; a'; b'$ bằng bao nhiêu? NV2 ? Tìm điều kiện của m để hai hàm số là hàm số bậc nhất. NV3: a) Tìm m để 2 đường thẳng cắt nhau; b) 2 đường thẳng song song GV ghi lại điều kiện lên bảng $m \neq 0$ và $m \neq -1$; Yêu cầu học sinh hoạt động theo nhóm để hoàn thiện bài toán. Nửa lớp làm câu a. Nửa lớp còn lại làm câu b.	Một học sinh đọc to đề bài. Học sinh trả lời: Hàm số $y = 2mx + 3$ có hệ số $a = 2m; b = 3$; Hàm số $y = (m + 1)x + 2$ có hệ số $a' = m + 1; b' = 2$ Sau 5 phút hoạt động nhóm, lần lượt đại diện hai nhóm lên bảng trình bày. Học sinh dưới lớp nhận xét đánh giá.	*Bài toán: Cho hàm số bậc nhất $y = 2mx + 3$ và $y = (m + 1)x + 2$ Hai hàm số trên là hàm số bậc nhất khi: $m \neq 0; m \neq -1$ a) Đồ thị hàm số $y = 2mx + 3$ và $y = (m + 1)x + 2$ cắt nhau khi $a \neq a'$ hay $2m \neq m + 1$ $\Leftrightarrow m \neq 1$ Kết hợp với đk trên, ta có hai đường thẳng cắt nhau $\Leftrightarrow m \neq 0; m \neq -1$ và $m \neq 1$. b) Hàm số $y = 2mx + 3$ và $y = (m + 1)x + 2$ có $b \neq b'$ vậy hai đt song song với nhau khi và chỉ khi $a = a'$ hay $2m = m + 1 \Leftrightarrow m = 1$ (thỏa mãn) (đpcm)
D - Hoạt động hướng dẫn về nhà- 3p Mục tiêu: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học. - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật viết tích cực - Năng lực: Giải quyết vấn đề.		
- Nắm vững điều kiện về các hệ số để hai đường thẳng song song, trùng nhau, cắt nhau. - Bài tập về nhà: 21,22;23;24 sgk; 18;19 sbt. - Chuẩn bị tiết sau Luyện tập. - HS ghi chép yêu cầu về nhà làm bài tập.		

Ngày dạy :

Tiết 26: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- HS nhắc lại được kiến thức về hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
- Vận dụng được lí thuyết vào giải các bài tập tìm giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là 2 đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau.

2. Kỹ năng

- Rèn kĩ năng tính chính xác, lập luận chặt chẽ.
- Phân loại được 3 trường hợp cắt nhau, song song, trùng nhau bằng việc so sánh hệ số và quan sát đồ thị.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập

* **Trọng tâm :** Xác định được các giá trị của tham số để hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song nhau, trùng nhau.

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phần mẫu, bảng nhóm.
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

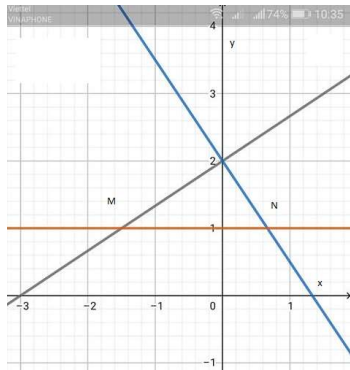
IV. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định : (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ (Kết hợp trong bài)

3. Bài mới :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG
A - Kiểm tra bài cũ: - 6p - Mục tiêu: HS trình bày lại được bài tập 22 đã cho về nhà, qua đó nhắc lại được điều kiện của các hệ số để 2 đường thẳng cho trước là cắt nhau, song song, trùng nhau. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
HS 1: Cho hai đt $y = ax + b$ ($a \neq 0$) (d) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) (d'). Nêu điều kiện về các hệ số để: (d) // (d'); (d) = (d'); (d) cắt (d') Chữa bài tập: 22a sgk HS 2: Chữa bài tập 22b. Chốt lại và cho điểm vào sổ.	2 Học sinh lên bảng thực hiện. $(d) // (d') \Leftrightarrow \begin{cases} a = a' \\ b \neq b' \end{cases}$ $(d) = (d') \Leftrightarrow \begin{cases} a = a' \\ b = b' \end{cases}$ $(d) \text{ cắt } (d') \Leftrightarrow a \neq a'$ Học sinh nhận xét bài làm của bạn.	<u>Bài 22 sgk</u> a) Đồ thị của hàm số $y = ax + 3$ song song với đường thẳng $y = -2x$ khi và chỉ khi $a = -2$ vì đã có $3 \neq 0$ b) Ta thay $x=2$ và $y=7$ vào phương trình hàm số: $y = ax + 3$, ta được: $7 = a.2 + 3 \Rightarrow a = 2$ Hàm số đã cho là: $y = 2x + 3$. (Hỏi thêm) Đồ thị của hàm số $y = 2x + 3$ và $y = -2x$ là hai đường thẳng cắt nhau vì có $a \neq a'$
B - Hoạt động luyện tập (28 phút) - Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học vào 2 dạng bài tập chính: Xác định giá trị của tham số thỏa mãn điều kiện cho trước về vị trí tương đối của 2 đường thẳng và xác định tọa độ giao điểm. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		

*Giao nhiệm vụ: Làm bài tập 23;24 (SGK) *Hình thức hoạt động: Dạng: Xác định giá trị của tham số Gv treo bảng phụ ghi đề bài. (Hoạt động cá nhân) - NV1? Đồ thị của hàm số đi qua điểm $A(1;5)$; em hiểu điều đó như thế nào? Gọi 1 học sinh lên bảng thực hiện tính b. Gv treo bảng phụ ghi đề bài 24 ? Trước tiên ta phải có đk gì - NV2 ? Nêu đk để 2 đt $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau; song song; trùng nhau? Gọi 3 hs lên bảng làm bài, mỗi hs làm một câu Gv nhận xét bài làm của hs. Dạng: Xác định tọa độ giao điểm Bài 25: ? Chưa vẽ đồ thị, em có nhận xét gì về hai đường thẳng này?	Học sinh trả lời miệng câu a HS: Đồ thị của hs $y = 2x + b$ đi qua điểm $A(1;5)$ nghĩa là khi $x = 1$ thì $y = 5$ Hệ số $a \neq 0$ HS nhắc lại kiến thức. HS nêu điều kiện: (d) cắt (d') $\Leftrightarrow a \neq a'$ (d)//(d') $\Leftrightarrow a=a'$ và $b \neq b'$. (d)$\equiv$(d') $\Leftrightarrow a=a'$ và $b=b'$. 3 hs lên bảng trình bày Hai đường thẳng này là hai đường thẳng cắt	Bài 23- sgk. Cho hàm số $y = 2x + b$. Xác định hệ số b trong mỗi trường hợp sau: a) Đồ thị hàm số $y=2x + b$ cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng -3, vậy tung độ gốc là $b=-3$ b) Đồ thị của hs $y = 2x + b$ đi qua điểm $A(1;5)$ nghĩa là khi $x = 1$ thì $y = 5$. Ta thay $x = 1$; $y = 5$ vào phương trình $y = 2x + b$ ta được $5 = 2.1 + b \Rightarrow b = 3$. Bài 24-sgk Cho hàm số bậc nhất $y = 2x + 3k$ và $y = (2m+1)x + 2k - 3$. Đk để hàm số $y = (2m+1)x + 2k - 3$ là hàm số bậc nhất là $m \neq -\frac{1}{2}$ a) 2 đt cắt nhau $\Leftrightarrow 2 \neq 2m+1$ $\Leftrightarrow m \neq \frac{1}{2}$ kết hợp đk $\Rightarrow m \neq \pm \frac{1}{2}$ b) 2 đường thẳng song song với nhau $\Leftrightarrow \begin{cases} 2 = 2m+1 \\ 3k \neq 2k-3 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} m = \frac{1}{2} \\ k \neq -3 \end{cases} (tm)$ c) 2 đt trùng nhau $\Leftrightarrow \begin{cases} 2 = 2m+1 \\ 3k = 2k-3 \end{cases}$ $\Leftrightarrow \begin{cases} m = \frac{1}{2} \\ k = -3 \end{cases} (TMĐK)$ Bài 25-sgk $y = \frac{2}{3}x + 2$ (d); $y = -\frac{3}{2}x + 2$ (d') 
---	---	---

Y/c hai hs lần lượt lên vẽ hai đồ thị trên cùng một mặt phẳng toạ độ.	nhau tại một điểm trên trục tung vì có $a \neq a'$; $b = b'$ Học sinh vẽ đồ thị vào vở. <table border="1"> <tr> <td>x</td><td>0</td><td>-3</td></tr> <tr> <td>$y = \frac{2}{3}x + 2$</td><td>2</td><td>0</td></tr> </table> <table border="1"> <tr> <td>x</td><td>0</td><td>$\frac{4}{3}$</td></tr> <tr> <td>$y = -\frac{3}{2}x + 2$</td><td>2</td><td>0</td></tr> </table> Một học sinh lên bảng vẽ đường thẳng song song với trục Ox, cắt trục Oy tại điểm có tung độ bằng 1, xác định các điểm M và N trên mặt phẳng toạ độ.	x	0	-3	$y = \frac{2}{3}x + 2$	2	0	x	0	$\frac{4}{3}$	$y = -\frac{3}{2}x + 2$	2	0	b) Điểm M thuộc đt $y=1$ $\Rightarrow$ tung độ điểm M là 1. Thay $y=1$ vào p.trình $y=\frac{2}{3}x+2$ ta có $x=\frac{-3}{2} \Rightarrow$ Vậy M $\left(\frac{-3}{2}; 1\right)$ Điểm N thuộc đt $y=1 \Rightarrow$ tung độ điểm N là 1. Thay $y=1$ vào pt $y=-\frac{3}{2}x+2$ nên ta có : $1 = \frac{-3}{2}x + 2$ $\Leftrightarrow \frac{-3}{2}x = -1$ Vậy N $\left(\frac{2}{3}; 1\right)$ $\Rightarrow x = \frac{2}{3}$
x	0	-3												
$y = \frac{2}{3}x + 2$	2	0												
x	0	$\frac{4}{3}$												
$y = -\frac{3}{2}x + 2$	2	0												

C - Hoạt động vận dụng – 10p		
*Mục tiêu: Hs vận dụng điều kiện hai đường thẳng cắt nhau vào bài tập tìm giao điểm của ba đường thẳng *Giao nhiệm vụ: Làm bài tập sau: Cho ba đường thẳng : $y=2x+7$ (d_1); $y=\frac{-1}{3}x+\frac{7}{3}$ (d_2); $y=\frac{-2}{k}x-\frac{1}{k}$ (d_3) Tìm k để ba đường thẳng đồng quy *Hình thức hoạt động: Hoạt động nhóm * Gv yêu cầu các nhóm nhận xét bài lẫn nhau rồi gv chốt lại vấn đề HS hoạt động nhóm: HD: Tìm giao điểm của (d_1) và (d_2) là (-2; 3) Thay $x = -2$ và $y = 3$ vào công thức hàm số (d_3) ta có $3 = \frac{4}{k} - \frac{1}{k} \Rightarrow k = 1$ Từ đó công thức hàm số (d_3) là $y = -2x - 1$		
D - Hoạt động hướng dẫn về nhà – 1p		
- Mục tiêu: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học. - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật viết tích cực - Năng lực: Giải quyết vấn đề.		
+ Nắm vững kiến thức, luyện kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất. + Ôn tập khái niệm $\tan \alpha$, cách tính α khi biết $\tan \alpha$ bằng máy tính bỏ túi.		

+ Bài tập về nhà: các bài tập còn lại.

Đọc trước bài Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$)

Ngày dạy :

Tiết 27: HỆ SỐ GÓC CỦA ĐƯỜNG THẲNG $y = ax + b$ ($a \neq 0$)

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Phát biểu được khái niệm góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox , khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$.
- Xác định được hệ số góc của đường thẳng liên quan mật thiết với góc tạo bởi đường thẳng đó và trục Ox .
- Tóm tắt được kiến thức đã học, vận dụng giải quyết ví dụ.

2. Kỹ năng

- Tính được góc α khi $a > 0$ bằng công thức $a = \tan \alpha$.
- Rèn kỹ năng cẩn thận, chính xác trong tính toán.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập

* **Trọng tâm :** khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ và ví dụ

II. Chuẩn bị:

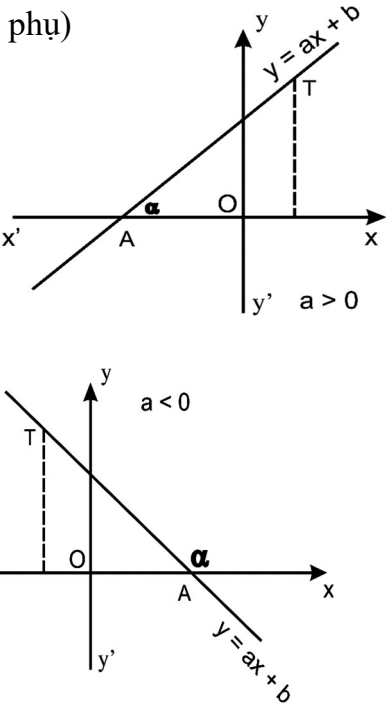
- Gv : Giáo án, sách, phần màu, bảng nhóm.

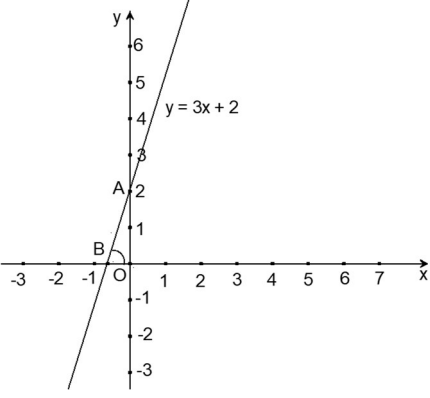
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG
A - HĐ KHỞI ĐỘNG – 8P <i>Kiểm tra bài cũ và đặt vấn đề vào bài mới.</i>		
Vẽ trên cùng một mặt phẳng tọa độ đồ thị hai hàm số $y = 0,5x + 2$ và $y = 0,5x + 1$ Nêu nhận xét về hai đường thẳng này?	Một học sinh lên bảng thực hiện. Nhận xét: Hai đường thẳng trên song song với nhau vì có $a = a'$ và b khác b'	
Gv ĐVĐ: Khi vẽ hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) trên mặt phẳng tọa độ Oxy, gọi giao điểm của đường thẳng tạo với trục Ox là A thì đường thẳng đó tạo với trục Ox 4 góc phân biệt. Nhưng trong 4 góc đó chỉ có 1 góc được gọi là góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với trục Ox . Vậy góc đó là góc nào? Góc đó phụ thuộc vào hệ số của hàm số không? Bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu rõ vấn đề đó.		
B - Hoạt động hình thành kiến thức Hoạt động 1: Khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) (15 phút) - Mục tiêu: HS quan sát hình vẽ và trả lời được mối quan hệ giữa hệ số a và góc tạo bởi đồ thị hàm số với chiều dương của trục hoành. Phát biểu được khái niệm hệ số góc của đường thẳng. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, trực quan. - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật động não, hỏi và trả lời. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
(Hoạt động cá nhân) Gv nêu vấn đề:		1. Khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$)

Khi vẽ đường thẳng $y = ax + b$ trên mặt phẳng tọa độ Oxy, đường thẳng này sẽ cắt trục Ox tại điểm A thì đường thẳng tạo với trục Ox bốn góc phân biệt có đỉnh chung là A. -NV1: Vậy góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox là góc nào? và góc đó có phụ thuộc vào các hệ số của hàm số không? -GV đưa hình 10a SGK và giới thiệu khái niệm về góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox như SGK. - NV2: Có nhận xét gì về độ lớn của góc α khi $a > 0$? $a < 0$? Gv sử dụng bài cũ có đồ thị hai hàm số $y = 0,5x + 2$ (d1) và $y = 0,5x + 1$ (d2) Cho học sinh xác định các góc α và hãy nhận xét về các góc đó. Gv treo bảng phụ vẽ sẵn hình 11a đã vẽ sẵn đồ thị của ba hàm số $y = 0,5x + 2$; $y = x + 2$; $y = 2x + 2$ yêu cầu học sinh xác định các góc rồi so sánh mối quan hệ giữa các hệ số a với các góc α. Gv chốt kiến thức qua bảng phụ	Học sinh chú ý nghe hiểu và ghi bài. $a > 0$ thì góc α là góc nhọn. $a < 0$ thì góc α là góc tù Hs trả lời:.. Các góc α này bằng nhau vì đó là hai góc đồng vị của hai đường thẳng song song. Ta có $y = 0,5x + 2$ có $a_1 = 0,5 > 0$ $y = x + 2$ có $a_2 = 1 > 0$ $y = 2x + 2$ có $a_3 = 2 > 0$ $\alpha_1 < \alpha_2 < \alpha_3$ và $a_1 < a_2 < a_3$ Hs ghi nhớ kiến thức	(bảng phụ)  a) Góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox Với α là góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) với trục Ox b) Hệ số góc. - Các đường thẳng có cùng hệ số a thì tạo với trục Ox các góc bằng nhau +, $a > 0$: Góc tạo bởi đt $y = ax + b$ với trục Ox là góc nhọn, a càng lớn thì góc càng lớn nhưng vẫn $< 90^\circ$ +, $a < 0$: Góc tạo bởi đt $y = ax + b$ với trục Ox là góc tù, a càng lớn thì góc càng lớn nhưng vẫn $< 180^\circ$ $\Rightarrow a$ gọi là hệ số góc của đt $y = ax + b$ ($a \neq 0$) Chú ý: $b = 0 \Rightarrow a$ là hệ số góc của đt $y = ax$			
Ví dụ (17 phút) - Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học vào ví dụ, xác định được tọa độ giao điểm của đồ thị với hai trục tọa độ, xác định được tam giác OAB vuông tại O, sử dụng được tỉ số lượng giác tìm hệ số góc. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề					
(Hoạt động cá nhân,cặp đôi) Gv tự vẽ ngay đồ thị hàm số $y = 3x + 2$, nói rõ các xác định điểm A và điểm B	Hs trả lời các câu hỏi của giáo viên <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 33%;"></td> <td style="width: 33%;">A</td> <td style="width: 33%;">B</td> </tr> </table>		A	B	2. Ví dụ: Ví dụ 1:
	A	B			

NV1? Xác định tọa độ giao điểm của đồ thị với hai trục tọa độ? NV2? Vẽ đồ thị hàm số $y = 3x + 2$ với tọa độ của hai điểm A và B đã được xác định như trên? NV3: Xét tam giác vuông OAB ta có thể tính được tỉ số lượng giác nào của góc α? $\operatorname{tg} \alpha = 3$ thì 3 chính là hệ số góc của đường thẳng $y = 3x + 2$? Để tính góc là góc hợp bởi đt $y = ax + b$ và trục Ox ta làm như sau: - Nếu $a > 0$ thì $\tan \alpha = a \Rightarrow$ tính α bằng MTBT - Nếu $a < 0$ thì $\tan(180^\circ - \alpha) = a = -a \Rightarrow \alpha$	<table border="1" data-bbox="612 114 986 203"> <tr> <td>x</td><td>0</td><td>-3/2</td></tr> <tr> <td>y</td><td>2</td><td>0</td></tr> </table> Một HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp vẽ vào vở. HS tự nghiên cứu ví dụ 2. Hs lắng nghe. Ghi nhớ	x	0	-3/2	y	2	0	 Trong tam giác vuông OAB ta có: $\tan \alpha = \frac{OA}{OB} = 3 \Rightarrow \hat{ABx} = 71^\circ 34'$ $\Rightarrow \alpha \approx 71^\circ 34'$
x	0	-3/2						
y	2	0						
C: Luyện tập (4 phút) - Mục tiêu: HS định nghĩa được một hàm số là đồng biến, nghịch biến khi nào? Lấy được ví dụ về hàm đồng biến, nghịch biến. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.								
? Cho hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) vì sao nói a là hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$? Với $a > 0$ thì $\operatorname{tg} \alpha = a$. Gv chốt kiến thức: Để tính được góc α là góc hợp bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox ta làm như sau: nếu $a > 0$, $\operatorname{tg} \alpha = a$. Từ đó dùng bảng số hoặc máy tính bỏ túi tính trực tiếp góc α.	HS: Vì giữa a và góc α có mối liên quan rất mật thiết. $a > 0$ thì α nhọn. $a < 0$ thì α tù. Khi $a > 0$ nếu a tăng thì góc α cũng tăng nhưng vẫn nhỏ hơn 90° Khi $a < 0$ nếu a tăng thì góc α cũng tăng nhưng vẫn nhỏ hơn 180°							
C - Hoạt động hướng dẫn về nhà -1p - Mục tiêu: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học. - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật viết tích cực - Năng lực: Giải quyết vấn đề.								
+Ghi nhớ mối liên quan giữa hệ số a và α +Biết tính góc α bằng máy tính bỏ túi ,làm các bài tập ở nhà: 27;28; 29 sgk								

Ngày dạy :

Tiết 28: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Hs nhắc lại được kiến thức về hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$.
- Vận dụng lí thuyết vào giải các bài tập: Tính góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox khi $a > 0$ bằng công thức $a = \tan \alpha$;
- Tính được chu vi, diện tích trên mặt phẳng tọa độ.

2. Kỹ năng

- Tính được góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ bằng công thức, bằng máy tính và bảng số.
- Rèn kĩ năng trình bày cẩn thận, rõ ràng, chính xác.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập
- * **Trọng tâm** : Rèn kĩ năng xác định hệ số góc a của hàm số $y = ax + b$, vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$, tính góc α

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phấn màu, bảng nhóm.
- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

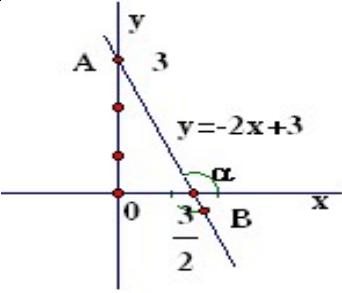
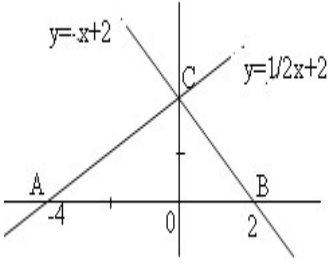
- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

IV. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định : (1 phút)

2. Nội dung

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG
A – Khởi động -12p		
- Kiểm tra bài cũ. - Mục tiêu: HS trình bày lại được bài 28 đã cho về nhà, kết hợp việc được kiểm tra vở bài tập về nhà của GV. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, kiểm tra, đánh giá. - Kĩ thuật sử dụng: Kĩ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
Gọi 2HS lên bảng: + HS1: Nêu kết luận tổng quát về hệ số góc a và góc α của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) với trục Ox + HS2: Chữa bài tập trang 28 a SGK	2HS lên bảng trình bày HS1: Như sgk/57 Cả lớp theo dõi nêu ý kiến nhận xét bổ sung	Bài tập 28: Giải a) Cho $x=0$ thì $y=3$ ta được điểm $A(0;3)$ Cho $y=0$ thì $x=\frac{3}{2}$ ta được điểm $B(\frac{3}{2};0)$ ta có đồ thị hàm số

Nhận xét cho điểm								
B - Hoạt động luyện tập – 31 phút - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải được 2 dạng bài tập có liên quan: Xác định công thức hàm số, làm được bài tập tổng hợp. - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật hỏi và trả lời.								
(Hoạt động cá nhân) Yêu cầu HS làm bài tập 27 a - NV1: Đồ thị hàm số qua điểm A(2;6) cho ta biết điều gì ?. Cho HS làm bài 29 SGK (Hoạt động cá nhân) - NV1: Đồ thị hàm số cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng 1,5 khi đó tọa độ của điểm đó là gì?. - NV2: Đồ thị hàm số song song với đường thẳng $y = \sqrt{3}x$ và đi qua điểm B(1; $\sqrt{3} + 5$) cho ta biết gì? Nêu nhận xét đánh giá và chốt kiến thức cần nắm Cho HS làm bài 30 SGK Treo bảng phụ ghi nội dung đề bài (Hoạt động nhóm) Yêu cầu HS lên bảng vẽ đồ thị NV1?. ? Hãy xác định tọa độ các điểm A; B; C	HS làm bài tập 27a Trả lời: Cho ta biết $x=2$ và $y=6$ HS lên bảng trình bày lời giải HS khá lên trình bày, HS lớp thường làm theo định hướng của gv Trả lời: Tọa độ điểm đó là B(1,5; 0) Hs lên bảng vẽ đồ thị hàm số * Hàm số $y = -x + 2$ <table border="1" data-bbox="598 1814 992 1899"> <tr> <td>x</td><td>0</td><td>2</td></tr> <tr> <td>$y = -x + 2$</td><td>2</td><td>0</td></tr> </table> => Đường thẳng đi qua hai điểm có tọa độ (0 ;2) và (2 ;0) là đồ thị hàm số $y = -x + 2$	x	0	2	$y = -x + 2$	2	0	Bài tập 27a: Giải Đồ thị hàm số $y=ax+3$ đi qua điểm A(2; 6) ta có $x=2$ và $y=6$ Nên $6 = a.2+3 \Rightarrow a = 1,5$ Vậy hệ số góc $a = 1,5$ Bài tập 29: Giải Xác định hàm số $y=ax+b$ (1) với a) $a=2$; đồ thị hàm số cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng 1,5 tức là nó cắt trục hoành tại điểm có tọa độ là B(1,5; 0). Thay $a=2$; $x=1,5$; $y=0$ vào (1) ta có: $0 = 2.1,5+b \Rightarrow b = -3$ Vậy đồ thị của hàm số là $y = 2x - 3$ b) $a=3$ và đồ thị hàm số đi qua điểm A(2;2) ta có $2=3.2+b \Rightarrow b = -4$ Vậy đồ thị của hàm số là $y=3x-4$ c) Đồ thị hàm số song song với đường thẳng $y = \sqrt{3}x$ nên $a = \sqrt{3}$ và đi qua điểm B(1; $\sqrt{3} + 5$) nên ta có $\sqrt{3} + 5 = \sqrt{3}.1 + b \Rightarrow b = 5$ Vậy đồ thị của hàm số là $y = \sqrt{3}x + 5$ Bài tập 30: Đồ thị hàm số  b) A(-4; 0); B(2; 0) ; C(0; 2)
x	0	2						
$y = -x + 2$	2	0						

? Tính góc $\hat{A}; \hat{B}; \hat{C}$ như thế nào?. NV2?. ? Em hãy cho biết cách tính chu vi của ΔABC ? ? Nêu cách tính cạnh của tam giác NV3?. ? Nêu cách tính diện tích ΔABC Nhận xét yêu cầu HS lên bảng tính.	*Hàm số $y = \frac{1}{2}x + 2$ <table border="1" data-bbox="598 190 989 324"> <tr> <td>x</td><td>0</td><td>-4</td></tr> <tr> <td>$y = \frac{1}{2}x + 2$</td><td>2</td><td>0</td></tr> </table> => Đường thẳng đi qua hai điểm có toạ độ (0 ;2) và (-4 ;0) là đồ thị hàm số $y = \frac{1}{2}x + 2$ Chu vi bằng $AB + AC + BC$ Trả lời: Ta dựa vào việc tính các tỷ số lượng giác HS lên bảng tính Trả lời $P_{\Delta ABC} = AB + AC + BC$ Trả lời: $S_{\Delta ABC} = \frac{1}{2} AB \cdot OC$ HS lên bảng tính.	x	0	-4	$y = \frac{1}{2}x + 2$	2	0	ta có $\tan A = \frac{OC}{OA} = \frac{2}{4} = 0,5$ => $\hat{A} = 27^\circ$ $\tan B = \frac{OC}{OB} = \frac{2}{2} = 1$ => $\hat{B} = 45^\circ$ => $\hat{C} = 180^\circ - \hat{B} - \hat{A}$ $= 180^\circ - 45^\circ - 27^\circ = 108^\circ$ c) $P_{\Delta ABC} = AB + AC + BC$ Trong đó $AB = OA + OB$ $= 2 + 4 = 6$ $AC = \sqrt{OA^2 + OC^2} = 2\sqrt{5}$ $BC = \sqrt{OB^2 + OC^2} = 2\sqrt{2}$ $P_{\Delta ABC} = 6 + 2\sqrt{2} + 2\sqrt{5}(\text{cm})$ $S_{\Delta ABC} = \frac{1}{2} AB \cdot OC = \frac{1}{2} \cdot 6 \cdot 2 = 6 (\text{cm}^2)$
x	0	-4						
$y = \frac{1}{2}x + 2$	2	0						

C- Hoạt động tìm tòi, mở rộng (1p)

- **Mục tiêu:** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.
- HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.
- **Kĩ thuật sử dụng:** Kĩ thuật viết tích cực
- **Năng lực:** Giải quyết vấn đề.

+ Qua bài học chúng ta đã biết cách tính góc của một đường thẳng tạo với trục Ox

+ Nhớ lại cách tính chu vi, diện tích của một tam giác.

+ Chuẩn bị ôn tập chương

Làm các bài tập 31 SGK, các bài tập SBT

Ngày dạy :

Tiết 29: ÔN TẬP CHƯƠNG II

I. Mục tiêu:

Qua bài này giúp HS:

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa kiến thức cơ bản của chương.
- HS hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về các khái niệm hàm số, đồ thị của hàm số, khái niệm hàm số bậc nhất $y = ax + b$, tính chất đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất.
- HS nhắc lại được điều kiện hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau.

2. Kỹ năng

- Vẽ thành thạo đồ thị hàm số bậc nhất, xác định góc của đường thẳng $y = ax + b$ và chiều dương của trục Ox.
- Rèn kĩ năng chính xác, cẩn thận, trình bày rõ ràng.

3. Thái độ

- Nghiêm túc và hứng thú học tập

* **Trọng tâm :** Hệ thống hóa kiến thức cơ bản của chương.

II. Chuẩn bị:

- Gv : Giáo án, sách, phần màu, bảng nhóm.

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

III. Phương tiện và đồ dùng dạy học

- Thước, bút dạ, bảng phụ, bảng nhóm.

IV. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định : (1 phút)

A. Hoạt động khởi động (5 phút)

Phát phiếu bài tập.

Khoanh vào đáp án đúng trước câu trả lời đúng

1/ Trong các bảng ghi giá trị tương ứng của x ; y , bảng xác định y là hàm số của x là:

A.

x	1	3	5	6	8
y	3	4	6	7	10

B.

x	2	3	4	2	5
y	4	5	3	6	7

2 / Trong các hàm số sau, hàm số đồng biến trên tập xác định R là :

A. $y = -2x + 7$; B. $y = 3x - 5$; C. $y = 3 - m^2x$; D. $y = -m^2x + 2$

3 / Trong các đường thẳng : $y = 2x + 3$ (d1) ; $y = 5x + 3$ (d2) ; $y = -2x - 1$ (d3) có :

A. (d1) // (d2) ; B. (d2) cắt (d3) ; C. (d1) trùng (d2) ; D. (d1) // (d3)

4/ Nếu đường thẳng $y = 2 - 3x$ tạo với trục Ox một góc α thì :

A. $0^\circ < \alpha < 90^\circ$; B. $90^\circ < \alpha < 180^\circ$; C. $\tan \alpha = 2$; D. $\tan(-\alpha) = 3$

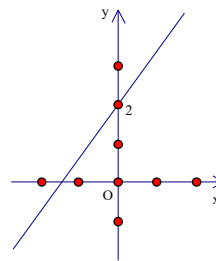
5/ Hàm số có đồ thị như hình vẽ là :

A. $y = ax + b$ với $a > 0$; $b > 0$;

B. $y = ax + 2$ với $a < 0$;

C. $y = ax + 2$ với $a > 0$;

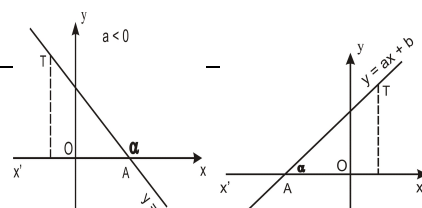
D. $y = ax + 2$ với $a \in R$;



(Gv cho Hs chấm chéo – Mỗi câu 2 điểm. Gv đánh giá, nhận xét)

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG
B - Ôn tập lý thuyết – 15 phút Mục tiêu: HS nhắc lại được định nghĩa hàm số, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. Nêu được cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất, vị trí tương đối của hai đường thẳng, góc tạo bởi đường thẳng và trục Ox , vận dụng được vào dạng bài tập tương ứng - Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật động não. - Năng lực: Tính toán, giải quyết vấn đề.		
(Hoạt động cá nhân/ cặp đôi) ?. Thế nào là hàm số bậc nhất. ?. Cho hàm số: $y = (m - 1)x + 2$ (1) có phải là hàm số bậc nhất không? ?. Tìm m để (1) là hàm số bậc nhất ?. Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ có những tính chất nào? ? HS (1) ĐB khi nào? NB khi nào? ? Với $m = 1$ hàm số (1) có dạng như thế nào	Hs đứng tại chỗ trả lời Hàm số $y = (m - 1)x + 2$ là hàm số bậc nhất $\Leftrightarrow m - 1 \neq 0 \Leftrightarrow m \neq 1$ $m - 1 > 0 \Leftrightarrow m > 1$: Hàm ĐB $m < 1$: Hàm NB $m = 1 \Rightarrow y = 2$ là hàm hằng	1, Hàm số 2, Hàm số bậc nhất: a- Định nghĩa: Hàm số bậc nhất là hàm số cho bởi công thức $y = ax + b$ trong đó $a \neq 0$ b, Tính chất của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ + Xác định mọi x thuộc R + Đồng biến trên R khi $a > 0$ + Nghịch biến trên R khi $a < 0$ c, Đồ thị hàm số bậc nhất $y = ax + b$ d, Góc tạo bởi đt $y = ax + b$ và trục Ox



? Đồ thị hàm số $y=ax+b$ ($a \neq 0$) là gì? Nêu cách vẽ đồ thị hs bậc nhất ? Góc tạo bởi đường thẳng $y=ax+b$ ($a \neq 0$) với trục Ox được xác định như thế nào ? ? Vì sao hệ số a được gọi là hệ số góc của đường thẳng $y=ax+b$ ($a \neq 0$) ? Khi nào hai đường thẳng $y= ax+b(a \neq 0)$ và $y= a'x+b' (a' \neq 0)$ a) Cắt nhau b) Song song c) Trùng nhau ? Cho $y = 2x + 3$ (2) Tìm m để (1) và (2) song song; trùng nhau và cắt nhau? ? d và d' có trường hợp đặc biệt nào	Hs vẽ đồ thị hàm số (1) khi cho $m=1,5$ 1 hs lên bảng vẽ ? Điểm A (1; 1,5) có thuộc đồ thị không hs trả lời miệng (1) // (2) $\Leftrightarrow m-1=2 \Leftrightarrow m=3$ (1) $\equiv$ (2) vì $2 \neq 3$ ($b \neq b'$) (1) cắt (2) $\Leftrightarrow m \neq 3$ (1) $\perp$ (2) $\Leftrightarrow (m-1).2=-1$ $\Leftrightarrow m=1/2$	e. Vị trí tương đối giữa 2 đt $y= ax+b$ ($a \neq 0$) : (d) và $y= a'x+b' (a' \neq 0)$: (d') $d // d' \Leftrightarrow a = a'; b \neq b'$ $d \equiv d' \Leftrightarrow a = a'; b = b'$ $d \cap d' \Leftrightarrow a'$ $d \perp d' \Leftrightarrow a.a' = 1$
--	--	--

C - Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Tìm được điều kiện của tham số thỏa mãn vị trí tương đối của hai đường thẳng. Vận dụng làm các bài tập tổng hợp.

- **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp

- **Kĩ thuật sử dụng:** Kĩ thuật hỏi và trả lời.

GV treo bảng phụ ghi đề bài (Hoạt động nhóm) Yêu cầu HS cả lớp đọc đề suy nghĩ làm bài tập 37 NV1 ? Để xác định tọa độ điểm C ta làm thế nào NV2? Hãy tính chu vi và diện tích của tam giác ABC NV3? Góc CBx = ?	+ Cả lớp đọc đề, suy nghĩ làm bài tập 37 SGK 1HS lên bảng vẽ Hs trả lời miệng C1: P^2 tọa độ : Dùng đồ thị kẻ từ C kẻ vuông góc Ox ; Oy (Chỉ dùng với trường hợp đặc biệt, vẽ hình chính xác) nhưng sai số rất lớn nên ít dùng. C2 : Lập luận theo p^2 đại số.	Bài tập 37: a, vẽ đồ thị 2 hàm số $y=0,5x+2$ (1) và $y=5-2x$ (2) <table border="1"> <tr> <td>x</td><td>0</td><td>-4</td></tr> <tr> <td>$y = 0,5x+2$</td><td>2</td><td>0</td></tr> <tr> <td>x</td><td>0</td><td>2,5</td></tr> <tr> <td>$y = 5-2x$</td><td>5</td><td>0</td></tr> </table> Đồ thị: b) A(-4; 0); B(2,5; 0) ; Điểm C là giao điểm của hai đường thẳng nên hoành độ điểm C là nghiệm của phương trình $0,5x + 2 = -2x + 5$ $\Leftrightarrow 2,5x = 3 \Leftrightarrow x = 1,2$	x	0	-4	$y = 0,5x+2$	2	0	x	0	2,5	$y = 5-2x$	5	0
x	0	-4												
$y = 0,5x+2$	2	0												
x	0	2,5												
$y = 5-2x$	5	0												

Gv nhận xét đánh giá và uốn nắn những sai sót mà HS mắc phải. ? Hai đường thẳng có vuông góc với nhau không? vì sao? <u>*Bài tập nâng cao:</u> Tìm điểm cố định của họ đường thẳng $y=(m-1)x+2$	Hs lên bảng tính Hs trả lời miệng Hs : Có vì $a.a'=0,5.(-2)=-1$	Thay $x = 1,2$ vào hàm số $y = 0,5x + 2$ ta được $y = 0,5.1,2 + 2 = 2,6$ Vậy $C(1,2 ; 2,6)$ c) Tính: $AB=OA+OB=4+2,5= 5,6(\text{cm})$ $AC = \sqrt{2,6^2 + 5,2^2} \approx 5,18(\text{cm})$ $BC = \sqrt{2,6^2 + 1,3^2} \approx 2,91(\text{cm})$ d) +) Gọi α là góc tạo bởi (1) với trục Ox $\Rightarrow \tan \alpha = \frac{2}{4} = 0,5 \Rightarrow \alpha \approx 26^{\circ}34'$ +) Gọi β là góc tạo bởi đường thẳng (2) với trục Ox $\Rightarrow \tan \beta = \frac{2,6}{1,3} = 2 \Rightarrow \beta \approx 116^{\circ}34'$
D - Hướng dẫn về nhà- 2 phút Mục tiêu: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học. - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. - Kỹ thuật sử dụng: Kỹ thuật viết tích cực - Năng lực: Giải quyết vấn đề.		
+ Đọc lại lý thuyết và các bài tập đã chữa Bài cũ ➤ Xem lại kiến thức đã học toàn chương. Xem lại các bài đã chữa. ➤ Làm bài tập 34, 35, 38 sgk trang 62. bài tập 4,5 sbt. Bài mới Chuẩn bị ôn tập kiểm tra chương II		
